CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 ***YEAH1 GROUP CORPORATION*** Số/No: 169 /2504/CBTT/CTHĐQT/YEG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom - Happiness*** **------o0o------**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2025
Ho Chi Minh City, April 28, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM	**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND THE HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM / *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / *YEAH1 GROUP CORPORATION*
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol*: YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / *Floor 7th, Galleria Office Building, 258 Nam Ky Khoi Nghia Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
- Điện thoại/*Telephone*: (+84) 287300 6071 Fax: 08 3910 1073
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Bà/*Ms* Lê Phương Thảo
  Chức vụ/*Position:* Chủ tịch Hội đồng quản trị/*Chairwoman of the Board of Directors*

Loại thông tin công bố *Information disclosure type*	[x]	Định kỳ *Periodic*	[ ]	Bất thường *Irregular*	[ ]	24 giờ *24 hours*	[ ] Theo yêu cầu *On-demand*

Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure*:

Ngày 28/4/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2025 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2025 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.

On April 28, 2025, Yeah1 Group Corporation (the "Company") announced the following information:

- *The Company's separate Financial Statements for the first quarter of 2025 and the Explanation of the differences in the separate Financial Statements for the first quarter of 2025 compared to the same period in 2024.*
- *The Company's consolidated Financial Statements for the first quarter of 2025 and the Explanation of the differences in the consolidated Financial Statements for the first quarter of 2025 compared to the same period in 2024.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 vào ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại đường dẫn: http://yeah1group.com/investor-relations.

This information was disclosed on Yeah1 Group Corporation's Portal on April 28, 2025. Available at: http://yeah1group.com/investor-relations.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information this paper provides is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Nơi nhận:
Recipient:
+ Như trên;
+ *As above;*
+ Lưu VP;
+ *Archived;*

Đại diện tổ chức/*Organization representative*
Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

LÊ PHƯƠNG THẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 1, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304592171
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.04.28 17:52:50+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

YEAH1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 167/2025/YEG/CV	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công ty**") giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2025 có biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể như sau:

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất Quý I năm 2025 so với Quý I năm 2024:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý I năm 2025

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	**Quý I năm 2025** (1)	**Quý I năm 2024** (2)	**Chênh lệch** (3)=(1)-(2)	**Thay đổi** %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	23.252.971.598	12.006.444.191	11.246.527.407	93,67%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất của Tập đoàn trong Quý I năm 2025 tăng 11.246.527.407 đồng, tương ứng tăng 93,67% chủ yếu do đóng góp lớn nhất từ hoạt động quảng cáo, tổ chức các sự kiện, chương trình âm nhạc và nội dung giải trí ăn khách, dẫn đến tăng trưởng mạnh mẽ cả về doanh thu lẫn lợi nhuận sau thuế Quý I của Tập đoàn.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý I năm 2025

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý I năm 2025 (1)	Quý I năm 2024 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(145.438.100.700)	251.371.754	(145.689.472.454)

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ trong Quý I năm 2025 giảm 145.689.472.454 đồng so với cùng kỳ năm 2024 do việc ghi nhận chi phí tài chính liên quan đến thoái vốn công ty con trong Quý I năm 2025.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2025 đã được đăng tải trên website của Công ty: *www.yeah1group.com*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu: VT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ VÂN HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ 3 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ 3 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 32 ngày 21 tháng 3 năm 2025.	
Hội đồng Quản trị	Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên
	Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên
	Ông Kim Min Soo	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ban kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
	Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
	Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên
	Lê Thị Hoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ban Tổng Giám đốc	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
	Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
	Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)
	Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 3 đến trang 44. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.03.2025 VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**840.473.462.216**	**674.524.693.229**
			-	-
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**105.476.810.159**	**38.416.885.363**
111	Tiền		63.476.810.159	38.337.088.258
112	Các khoản tương đương tiền		42.000.000.000	79.797.105
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**230.000.000**	**230.000.000**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**717.035.638.948**	**634.528.068.391**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	96.387.315.944	105.247.391.505
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		268.535.024.861	222.600.021.803
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7(a)	185.591.321.919	189.028.460.018
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	167.040.475.764	141.057.384.838
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(518.499.540)	(23.405.189.773)
140	**Hàng tồn kho**		**16.829.282.725**	**501.439.034**
141	Hàng tồn kho		16.829.282.725	501.439.034
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**901.730.384**	**848.300.441**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	688.648.442	848.300.441
152	Thuế GTGT được khấu trừ		213.081.942	-

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31.03.2025 VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.681.461.077.191**	**1.767.988.537.046**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**629.731.434.800**	**336.730.634.800**
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		24.000.000.000	24.000.000.000
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7(b)	14.615.000.000	9.615.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	591.116.434.800	303.115.634.800
220	**Tài sản cố định**		**148.041.784.948**	**138.753.744.671**
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	312.726.335	276.194.779
222	Nguyên giá		964.548.862	903.492.862
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(651.822.527)	(627.298.083)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	147.729.058.613	138.477.549.892
228	Nguyên giá		186.709.644.569	171.206.041.734
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(38.980.585.956)	(32.728.491.842)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**-**	**10.523.422.222**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	-	10.523.422.222
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**881.980.786.302**	**1.259.233.352.576**
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	917.115.800.000	1.294.283.212.233
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	2.000.000.000	2.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	17.715.625.000	17.715.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4	(54.850.638.698)	(54.765.484.657)
260	**Tài sản dài hạn khác**		**21.707.071.141**	**22.747.382.777**
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	20.007.199.787	21.047.511.423
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.699.871.354	1.699.871.354
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**2.521.934.539.407**	**2.442.513.230.275**

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.03.2025 VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**412.682.350.146**	**735.828.750.314**
310	**Nợ ngắn hạn**		**398.211.396.303**	**705.564.960.707**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	121.508.964.532	136.090.440.676
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	6.841.546.402	7.431.868.273
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.373.631.678	7.449.487.609
314	Phải trả người lao động		3.990.188.261	3.894.502.261
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.509.282.471	16.159.534.249
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.000.000.000	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	109.367.707.498	181.810.405.402
320	Vay ngắn hạn	18	141.620.075.461	352.728.722.237
330	**Nợ dài hạn**		**14.470.953.843**	**30.263.789.607**
338	Vay dài hạn	18	14.470.953.843	30.263.789.607
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.109.252.189.261**	**1.706.684.479.961**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**2.109.252.189.261**	**1.706.684.479.961**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19,20	1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	140.518.254	140.518.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	191.091.321.007	336.529.421.707
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		336.529.421.707	313.310.291.758
421b	*- LNST/(lỗ) chưa phân phối kỳ này*		(145.438.100.700)	23.219.129.949
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**2.521.934.539.407**	**2.442.513.230.275**

Lưu Anh Khoa
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng

Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 04 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số		Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 31.03.2025 VND	31.03.2024 VND
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**123.336.199.476**	**40.622.353.465**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**21**	**123.336.199.476**	**40.622.353.465**
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(89.003.518.288)	(23.327.315.043)
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**34.332.681.188**	**17.295.038.422**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.209.930.831	6.660.745.981
22	Chi phí tài chính	24	(151.981.555.786)	(3.073.959.002)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(7.412.851.413)*	*(3.073.959.002)*
25	Chi phí bán hàng		-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(29.853.013.107)	(21.091.288.194)
30	**Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(145.291.956.874)**	**(209.462.793)**
31	Thu nhập khác		18.667	470.629.296
32	Chi phí khác		(146.162.493)	(9.794.749)
40	**Lợi nhuận/(Lỗ) khác**		**(146.143.826)**	**460.834.547**
50	**Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế**		**(145.438.100.700)**	**251.371.754**
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	26	-	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26	-	-
60	**Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN**		**(145.438.100.700)**	**251.371.754**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 28 tháng 04 năm 2025

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2025 VND	31.03.2024 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(145.438.100.700)**	**251.371.754**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại		6.276.618.558	41.426.040
03	Các khoản dự phòng		(317.500.095)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.198.790.483)	(6.660.745.981)
06	Chi phí lãi vay	24	7.412.851.413	3.073.959.002
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**(134.264.921.307)**	**(3.293.989.185)**
09	Tăng các khoản phải thu		228.931.503.460	(73.108.801.404)
10	Tăng hàng tồn kho		(16.327.843.691)	(6.427.281.081)
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả		(88.743.477.967)	48.470.413.080
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		1.199.963.635	(882.282.242)
14	Tiền lãi vay đã trả		(13.914.291.074)	(1.108.796.759)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.000.000.000)	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(24.119.066.944)**	**(36.350.737.591)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(15.564.658.835)	-
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		(15.601.000.000)	(55.225.836.689)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		7.581.588.526	39.472.526.489
25	Tiền chi mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị khác		(211.000.000.000)	(4.092.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8(a)	4.000.000.000	6.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		658.734.589	763.561.731
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(229.925.335.720)**	**(13.081.748.469)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		548.005.810.000	-
33	Tiền thu từ vay		48.319.236.616	57.386.580.863
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(275.220.719.156)	(11.913.808.874)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**321.104.327.460**	**45.472.771.989**
50	**Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ**		**67.059.924.796**	**(3.959.714.071)**
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	3	38.416.885.363	6.392.544.437
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**3**	**105.476.810.159**	**2.432.830.366**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 28 tháng 04 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ 3 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 32 ngày 21 tháng 3 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty có 58 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 58 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty có 10 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 11 công ty con trực tiếp và 11 công ty con gián tiếp) được trình bày trong thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 9); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.476.810.159	38.337.088.258
Các khoản tương đương tiền	42.000.000.000	79.797.105
TỔNG CỘNG	**105.476.810.159**	**38.416.885.363**

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	31.03.2025				31.12.2024			
				Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Công ty con trực tiếp			%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
1	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	350.000.000.000	(*)	-	100,00	139.000.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	255.844.800.000	(*)	-	69,55	255.844.800.000		-
3	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	203.319.000.000	(*)	-	69,00	203.319.000.000		-
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	99,89	79.910.000.000	(*)	28.954.919.935	99,89	79.910.000.000	(*)	28.954.919.935
5	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	92,00	23.000.000.000	(*)	15.286.052.381	92,00	23.000.000.000	(*)	15.286.052.381
6	Công ty TNHH 1Brandlink	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	2.000.000.000	(*)	-	100,00	2.000.000.000	(*)	-
7	Công ty TNHH 1Talents	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	2.000.000.000	(*)	179.891.566	100,00	2.000.000.000	(*)	179.891.566
8	Công ty TNHH 1Label	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	1.020.000.000	(*)	-	100,00	1.020.000.000	(*)	-
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
11	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1 (i)	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	-	-		-	99,99	588.167.412.233	(*)	-

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024 và ngày 24 tháng 3 năm 2025, HĐQT Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG và Nghị quyết HĐQT số 84/2503/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1, thời gian thực hiện trong quý I năm 2025. Tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1, qua đó công ty này không còn là công ty con của Tập đoàn.

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	31.03.2025		31.12.2024	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	69,55	100,00
2	Công ty TNHH Ting Ting Network	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	69,55	100,00
3	Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	69,55	100,00	69,55	100,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	64,86	94,00
5	Công ty TNHH Big Cat	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	55,64	80,00
6	Công ty Cổ phần TStudio	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, hoạt động hậu kỳ	41,69	59,95	41,69	59,95
7	Công ty TNHH Việt Nam Music Award	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	35,47	51,00
8	Netlink Online Pte. Ltd.	Singapore	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	100,00	35,18	100,00
9	Netlink Communication Technology Ltd	British Virgin Island	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	50,99	35,18	50,99
10	Web Publishing Corp	British Virgin Island	Quảng cáo	17,63	50,10	-	-
11	Công ty Cổ phần Gigagoods	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	-	-	50,99	51,00
12	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-	58,99	59,00

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

STT	Tên công ty	Tại ngày 31.03.2025					Tại ngày 31.12.2024				
		Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-
	TỔNG CỘNG			**2.000.000.000**					**2.000.000.000**		

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31.03.2025					31.12.2024				
			Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000
2	Công ty Cổ phần Ads Group Việt Nam	Cổng thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin xử lí dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000
4	Công ty Cổ phần 1Game	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	814.149.816	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	728.995.775
	TỔNG CỘNG				**17.715.625.000**		**10.429.774.816**			**17.715.625.000**		**10.344.620.775**

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	75.222.288.310	84.993.047.305
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Toàn Cầu	*19.885.800.000*	*23.835.800.000*
Công ty Cổ phần Truyền thông On+	*8.335.000.000*	*10.982.000.000*
Công ty Cổ phần King Production	*9.860.950.000*	*9.549.100.000*
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	*6.770.205.688*	*6.770.205.688*
Khác	*30.370.332.622*	*33.855.941.617*
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	21.165.027.634	20.254.344.200
TỔNG CỘNG	**96.387.315.944**	**105.247.391.505**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9)	(404.123.634)	(1.798.983.363)
GIÁ TRỊ THUẦN	**95.983.192.310**	**103.448.408.142**

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	268.535.024.861	217.663.828.234
Công ty Cổ phần Tera Group	*216.663.476.520*	*209.318.476.520*
Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện HAND	*41.685.000.000*	-
Công ty Cổ phần King Production	*7.558.152.889*	*7.644.456.896*
Khác	2.628.395.452	*700.894.818*
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	-	4.936.193.569
TỔNG CỘNG	268.535.024.861	222.600.021.803

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Ngắn hạn

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	159.807.321.919	166.873.460.018
Công ty Cổ phần Vital Investment Group	*114.106.821.919*	*114.106.821.919*
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	*45.220.500.000*	*45.220.500.000*
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	-	*6.316.138.099*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	*930.000.000*
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	-	*300.000.000*
Các tổ chức khác	*480.000.000*	-
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	25.784.000.000	22.155.000.000
TỔNG CỘNG	**185.591.321.919**	**189.028.460.018**
Dự phòng phải thu cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 9)	-	(300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**185.591.321.919**	**188.728.460.018**

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	9.090.000.000	9.090.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	*9.090.000.000*	*9.090.000.000*
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	5.525.000.000	525.000.000
TỔNG CỘNG	**14.615.000.000**	**9.615.000.000**

8 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	72.000.200.000	-
Phải thu thu hộ theo hợp đồng	59.768.393.194	71.533.733.685
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	26.163.157.895	45.763.157.895
Phải thu cổ tức	-	14.000.000.000
Phải thu lãi cho vay	6.511.763.523	6.118.412.043
Tạm ứng cho nhân viên	1.977.464.375	2.100.207.967
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	498.922.450	1.228.922.450
Khác	120.574.327	312.950.798
TỔNG CỘNG	**167.040.475.764**	**141.057.384.838**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9)	(114.375.906)	(21.306.206.410)
GIÁ TRỊ THUẦN	**166.926.099.858**	**119.751.178.428**
Trong đó:		
Bên thứ ba	117.945.754.008	66.806.046.836
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	49.094.721.756	74.251.338.002

(b) Dài hạn

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	288.000.800.000	-
Đặt cọc nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất	203.240.634.800	196.000.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	99.875.000.000	99.875.000.000
Khác	-	7.240.634.800
TỔNG CỘNG	**591.116.434.800**	**303.115.634.800**

9 NỢ KHÓ ĐÒI

	31.03.2025			31.12.2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**523.907.131**	**119.783.497**	**(404.123.634)**	**3.163.801.860**	**1.364.818.497**	**(1.798.983.363)**
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	119.783.497	(404.123.634)	523.907.131	119.783.497	(404.123.634)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	-	-	-	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	-	-	-	149.824.729	-	(149.824.729)
Trả trước cho người bán và phải thu ngắn hạn khác	**219.394.692**	**105.018.786**	**(114.375.906)**	**25.322.553.232**	**4.016.346.822**	**(21.306.206.410)**
Công ty TNHH Century Car and Service	84.000.000	42.000.000	(42.000.000)	84.000.000		(42.000.000)
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	-	-	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	-	-	-	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)
Khác	135.394.692	63.018.786	(72.375.906)	4.638.553.232	3.674.346.822	(964.206.410)
Phải thu cho vay ngắn hạn	**-**	**-**	**-**	**300.000.000**	**-**	**(300.000.000)**
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	-	-	-	300.000.000	-	(300.000.000)
TỔNG CỘNG	**743.301.823**	**224.802.283**	**(518.499.540)**	**28.486.355.092**	**5.381.165.319**	**(23.405.189.773)**

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	471.763.489	496.946.417
Công cụ, dụng cụ	216.884.953	348.806.607
Khác	-	2.547.417
TỔNG CỘNG	**688.648.442**	**848.300.441**

(b) Dài hạn

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	17.227.805.617	17.712.654.760
Công cụ, dụng cụ	1.507.878.041	1.625.361.958
Chi phí dịch vụ trả trước	-	23.873.753
Khác	1.271.516.129	1.685.620.952
TỔNG CỘNG	**20.007.199.787**	**21.047.511.423**

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	903.492.862	**903.492.862**
Mua trong năm	61.056.000	**61.056.000**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	964.548.862	**964.548.862**
Giá trị khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(627.298.083)	**(627.298.083)**
Khấu hao trong năm	(24.524.444)	**(24.524.444)**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	(651.822.527)	**(651.822.527)**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	276.194.779	**276.194.779**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	312.726.335	**312.726.335**

(b) TSCĐ vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại	Phần mềm máy tính	Bản quyền nội dung	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	2.524.382.154	160.000.000	168.521.659.580	**171.206.041.734**
Mua trong năm	-	-	15.503.602.835	**15.503.602.835**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	2.524.382.154	160.000.000	184.025.262.415	**186.709.644.569**
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(827.465.028)	(45.333.339)	(31.855.693.475)	**(32.728.491.842)**
Khấu hao trong năm	(9.429.478)	(5.333.334)	(6.237.331.302)	**(6.252.094.114)**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	(836.894.506)	(50.666.673)	(38.093.024.777)	**(38.980.585.956)**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.696.917.126	114.666.661	136.665.966.105	**138.477.549.892**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	1.687.487.648	109.333.327	145.932.237.638	**147.729.058.613**

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	-	5.523.422.222
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	-	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	**-**	**10.523.422.222**

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	22.964.689.299	21.835.170.160
Công ty TNHH STVProduction	*17.523.400.002*	*18.023.400.002*
Khác	*5.441.289.297*	*3.811.770.158*
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	98.544.275.233	114.255.270.516
TỔNG CỘNG	**121.508.964.532**	**136.090.440.676**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	6.841.546.402	5.021.658.180
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	*2.807.256.000*	*5.021.658.180*
Khác	*4.034.290.402*	-
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	-	2.410.210.093
TỔNG CỘNG	**6.841.546.402**	**7.431.868.273**

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 01.01.2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 31.03.2025 VND
(a) Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	-	11.289.906.533	(11.076.824.591)	**213.081.942**
TỔNG CỘNG	**-**	**11.289.906.533**	**(11.076.824.591)**	**213.081.942**
	-			-
(b) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.377.636.288	-	(1.000.000.000)	**3.377.636.288**
Thuế GTGT	1.428.946.752	12.152.585.504	(13.581.522.625)	**9.631**
Thuế thu nhập cá nhân	1.064.919.817	5.066.362.123	(1.860.391.857)	**4.270.890.083**
Thuế khác	577.984.752	568.994.888	(421.883.964)	**725.095.676**
TỔNG CỘNG	**7.449.487.609**	**17.787.942.515**	**(16.863.798.446)**	**8.373.631.678**

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí dịch vụ tư vấn và bản quyền	3.693.360.000	6.750.000.000
Chi phí kiểm toán	462.000.000	462.000.000
Lương tháng 13	316.798.500	2.356.713.500
Chi phí sản xuất chương trình	-	6.587.535.544
Khác	37.123.971	3.285.205
TỔNG CỘNG	**4.509.282.471**	**16.159.534.249**
Trong đó:		
Bên thứ ba	4.494.081.924	16.156.249.044
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	15.200.547	3.285.205

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải trả các khoản nhờ chi hộ cho việc sản xuất các dự án chương trình	49.041.975.410	43.796.097.986
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.500.000.000	31.500.000.000
Lãi vay	3.732.881.839	11.156.245.804
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	533.410.596	854.042.816
Phải trả do chuyển nhượng vốn góp	-	89.800.020.000
Khác	24.559.439.653	4.703.998.796
TỔNG CỘNG	**109.367.707.498**	**181.810.405.402**
Trong đó:		
Bên thứ ba	58.659.281.784	137.072.172.756
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	50.708.425.714	44.738.232.646

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

18 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 01.01.2025	Tăng	Giảm	Tại ngày 31.03.2025	Lãi suất	Kỳ hạn trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	**92.309.572.237**	**38.689.236.616**	**(33.778.733.392)**	**97.220.075.461**		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	*92.309.572.237*	*38.689.236.616*	*(33.778.733.392)*	*97.220.075.461*	*8,2%*	*Ngày 31/12/2025*
Vay bên thứ ba	**238.444.150.000**	**1.000.000.000**	**(234.369.150.000)**	**5.075.000.000**		
Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	*10.189.000.000*	*1.000.000.000*	*(6.889.000.000)*	*4.300.000.000*	*10,5%-11%*	*Ngày 10/12/2025*
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	*735.000.000*	-	-	*735.000.000*	*10,5%*	*Ngày 20/12/2025*
Công ty Cổ phần Ban Media	*40.000.000*			*40.000.000*	*10,5%*	*Ngày 14/10/2025*
Bà Vũ Thị Tuyết Vân	*117.147.080.000*	-	*(117.147.080.000)*	-		
Ông Võ Xuân Huy	*55.590.000.000*	-	*(55.590.000.000)*	-		
Bà Nguyễn Hải Tường Vi	*54.743.070.000*	-	*(54.743.070.000)*	-		
Vay bên liên quan	**21.975.000.000**	**18.600.000.000**	**(1.250.000.000)**	**39.325.000.000**		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	*18.285.000.000*	*15.600.000.000*	-	*33.885.000.000*	*10,5%*	*Từ ngày 07/08/2025 đến ngày 20/12/2025*
Công ty TNHH 1Brandlink	-	*2.000.000.000*	-	*2.000.000.000*		
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	*1.350.000.000*	-	*(250.000.000)*	*1.100.000.000*	*12,0%*	*Ngày 13/06/2025*
Công ty TNHH Vietnam Music Award	*2.040.000.000*	-	*(1.000.000.000)*	*1.040.000.000*	*10,5%*	*Ngày 17/05/2025*
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	-	*1.000.000.000*	-	*1.000.000.000*	*10,5%*	*Ngày 03/01/2026*
Công ty TNHH TingTing Network	*300.000.000*	-	-	*300.000.000*	*10,5%*	*Ngày 27/05/2025*
TỔNG CỘNG	**352.728.722.237**	**58.289.236.616**	**(269.397.883.392)**	**141.620.075.461**		

18 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 01.01.2025	Tăng	Giảm	Tại ngày 31.03.2025	Lãi suất	Kỳ hạn trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	**30.263.789.607**	**-**	**(17.292.835.764)**	**12.970.953.843**		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	*30.263.789.607*		*(17.292.835.764)*	*12.970.953.843*	*11,0%*	*Ngày 15/08/2028*
Vay bên liên quan	**-**	**1.500.000.000**	**-**	**1.500.000.000**		
Công ty Cổ phần 1Label	*-*	*1.500.000.000*	*-*	*1.500.000.000*	*10,5%*	*Từ ngày 16/08/2026 đến 19/08/2026*
TỔNG CỘNG	**30.263.789.607**	**1.500.000.000**	**(17.292.835.764)**	**14.470.953.843**		

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.03.2025 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2024 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	191.802.035	137.001.454
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	191.802.035	137.001.454
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	191.802.035	137.001.454

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.03.2025		31.12.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Lê Phương Thảo	11.049.847	5,76	7.892.748	5,76
Cổ đông khác	180.752.188	94,24	129.108.706	94,24
TỔNG CỘNG	**191.802.035**	**100,00**	**137.001.454**	**100,00**

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	131.353.264	131.353.264
Phát hành cổ phiếu cho người lao động	5.648.190	5.648.190
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	137.001.454	137.001.454
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	54.800.581	54.800.581
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	191.802.035	191.802.035

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	**1.683.465.350.013**
Phát hành cổ phiếu cho người lao động	56.481.900.000	-	(56.481.900.000)	**-**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	23.219.129.948	**23.219.129.948**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.370.014.540.000	140.518.254	336.529.421.707	**1.706.684.479.961**
Lỗ trong kỳ	-	-	(145.438.100.700)	**(145.438.100.700)**
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (*)	548.005.810.000	-	-	**548.005.810.000**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025	1.918.020.350.000	140.518.254	191.091.321.007	**2.109.252.189.261**

(*) Vào ngày 13 tháng 3 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 58/2503/CV/YEG và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 70/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 13 tháng 03 năm 2025. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.370.014.540.000 VND lên 1.918.020.350.000 VND

21 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2025	31.03.2024
	VND	VND
Doanh thu thuần quảng cáo và tư vấn truyền thông	100.371.651.892	12.088.919.900
Doanh thu thuần bản quyền nội dung	9.004.777.214	28.517.622.656
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và thương mại	13.959.770.370	15.810.909
TỔNG CỘNG	**123.336.199.476**	**40.622.353.465**

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2025	31.03.2024
	VND	VND
Giá vốn quảng cáo và tư vấn truyền thông	76.966.213.037	16.335.330.878
Giá vốn bản quyền nội dung	7.037.305.251	6.991.984.165
Giá vốn cung cấp dịch vụ và thương mại	5.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	**89.003.518.288**	**23.327.315.043**

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2025	31.03.2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.198.790.483	6.660.745.981
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	11.140.348	-
TỔNG CỘNG	**2.209.930.831**	**6.660.745.981**

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2025	31.03.2024
	VND	VND
Ghi nhận chi phí từ việc thoái vốn công ty con	138.167.412.233	-
Chi phí lãi vay	7.412.851.413	3.073.959.002
Dự phòng, xóa sổ các khoản đầu tư	6.401.292.140	-
TỔNG CỘNG	**151.981.555.786**	**3.073.959.002**

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2025 VND	31.03.2024 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.014.957.457	10.624.035.474
Chi phí nhân viên	9.217.858.452	10.415.866.680
Chi phí khấu hao TSCĐ	45.371.880	41.426.040
Khác	4.710.720	9.960.000
Dự phòng và xóa sổ phải thu	8.570.114.598	-
TỔNG CỘNG	**29.853.013.107**	**21.091.288.194**

26 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lỗ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2025 VND	31.03.2024 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(145.438.100.700)	251.371.754
Thuế tính ở thuế suất 20% (*)	(29.087.620.140)	50.274.351
Điều chỉnh:		
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	26.034.667.891	-
Chi phí không được khấu trừ	3.052.952.249	1.958.950
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(52.233.301)
Chi phí thuế TNDN (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ 3 tháng được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2025 VND	31.03.2024 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.785.965.084	33.951.350.517
Chi phí nhân viên	10.219.122.435	10.415.866.680
Dự phòng và xóa sổ	8.570.114.598	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.276.618.558	41.426.040
Khác	4.710.720	9.960.000
TỔNG CỘNG	**118.856.531.395**	**44.418.603.237**

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Công ty con trực tiếp (đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con trực tiếp (đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con trực tiếp (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH 1Production	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con trực tiếp (đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con trực tiếp (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con trực tiếp (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Talents	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Brandlink	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần 1Label	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 4 năm 2024) Công ty con gián tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Netlink Communication Technology Ltd	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 4 năm 2024) Công ty con gián tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Netlink Online Pte Ltd	Công ty con gián tiếp (từ ngày 22 tháng 10 năm 2024)
Web Publishing Corp.	Công ty con gián tiếp (từ ngày 18 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Gigagoods	Công ty con gián tiếp (đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	Công ty con gián tiếp (đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con trực tiếp (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH STV Production	Công ty con trực tiếp (đến ngày 15 tháng 3 năm 2024) Công ty con gián tiếp (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH MTV Style TV	Công ty con gián tiếp (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 4 năm 2024) Công ty con trực tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024) Công ty con trực tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024) Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024) Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH BigCat	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024) Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024) Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH TingTing Network	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024) Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Tera Group	Đầu tư khác của công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Phó chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT Tổng giám đốc
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên BKS (từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Người liên quan của người nội bộ (đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Người liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Công ty mà người nội bộ là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bổ Công Anh	Công ty mà người có liên quan của người nội bộ là Giám đốc

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2025 VND	31.03.2024 VND
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Cung cấp dịch vụ	-	9.090.909
	Lãi vay	-	1.107.097.868
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Care	Lãi cho vay	-	24.345.618
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Lãi cho vay	-	68.752.388
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Vay	15.600.000.000	3.400.000.000
	Lãi vay	710.965.067	11.161.644
	Cung cấp dịch vụ	315.000.000	-
	Mua dịch vụ	49.814.814	-
	Thu hồi lãi cho vay	-	37.964.381
	Trả gốc vay	-	1.600.000.000
Công ty TNHH 1Brandlink	Vay	2.000.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	304.414.818	-
	Lãi vay	12.082.192	-
	Góp vốn		
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	56.700.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	Lãi vay	19.029.452	-
	Thu hồi gốc cho vay	-	3.930.000.000
	Lãi cho vay	-	104.545.479
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	5.373.000.000	1.925.000.000
	Thu hồi cho vay	4.829.000.000	-
	Lãi cho vay	376.582.513	156.347.684
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cho vay	-	19.152.000.000
	Thu hồi gốc cho vay	-	10.050.000.000
	Mua dịch vụ	-	2.210.809.524
	Cung cấp dịch vụ	-	1.611.198.657
	Lãi cho vay	-	1.002.878.961
	Thu hồi lãi cho vay	-	663.152.526
Công ty TNHH 1Talents	Cung cấp dịch vụ	100.800.000	-
Công ty Cổ phần 1Label	Cung cấp dịch vụ	4.359.645.004	-
	Vay	1.500.000.000	-
	Mua dịch vụ	332.097.092	-
	Lãi vay	13.808.219	-

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2025	31.03.2024
		VND	VND
Công ty TNHH 1Production	Góp vốn	211.000.000.000	-
	Mua dịch vụ sản xuất chương trình	70.915.410.222	-
	Cho vay	5.000.000.000	310.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.329.300.000	-
	Lãi cho vay	84.071.918	18.009.658
	Thu hồi gốc cho vay	-	1.795.000.000
	Thu hồi lãi cho vay	-	13.635.205
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	-	374.747.194
Công Ty Cổ Phần AppNews Việt Nam	Lãi vay		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	4.907.212.795	4.411.059.739
	Trả gốc vay	4.780.000.000	600.000.000
	Vay	4.780.000.000	10.250.000.000
	Lãi vay	19.250.959	274.632.942
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cho vay	4.085.000.000	-
	Lãi cho vay	200.565.822	-
	Lãi vay	-	36.476.712
	Trả gốc vay	-	1.150.000.000
	Trả lãi vay	-	63.661.644
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cung cấp dịch vụ	1.919.254.676	-
	Mua dịch vụ	1.370.119.010	-
	Thu hồi cho vay	1.000.000.000	-
	Lãi cho vay	42.575.342	-
	Lãi vay	-	8.678.230
	Trả gốc vay	-	342.808.874
Công ty TNHH TingTing Network	Lãi vay	7.767.123	10.413.698
	Vay	-	200.000.000
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp dịch vụ	6.259.418.121	360.673.263
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	-	17.560.000.000
	Thu hồi gốc cho vay	-	9.050.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	2.216.523.810
	Lãi cho vay	-	674.030.959
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.311.728.704	-
	Vay	1.000.000.000	-
	Lãi vay	25.315.069	-

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2025 VND	31.03.2024 VND
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	23.000.000	1.090.000.000
	Thu hồi cho vay	23.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	18.900.000	-
	Lãi cho vay	-	44.809.584
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Trả gốc vay	1.000.000.000	-
	Lãi vay	49.076.711	-
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	-	5.362.846.180
Bà Lê Phương Thảo	Nhận vốn góp	31.570.990.000	-
	Tạm ứng	135.284.532	188.293.291
	Thu hồi tạm ứng	160.312.459	126.348.251
Ông Chế Đoàn Viên	Nhận vốn góp	27.334.900.000	-
	Tạm ứng	-	86.000.000
	Thu hồi tạm ứng	-	40.000.000
	Góp vốn		
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Nhận vốn góp	9.833.320.000	-
	Tạm ứng	116.368.224	88.656.489
	Thu hồi tạm ứng	135.265.882	41.892.306
Ông Phạm Minh Tiến	Nhận vốn góp	11.020.800.000	-
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Nhận vốn góp	202.200.000	-
Ông Nguyễn Văn Nam	Nhận vốn góp	120.480.000	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Nhận vốn góp	202.100.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Nhận vốn góp	1.303.200.000	-

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2025 VND	31.03.2024 VND
Thù lao thành viên HĐQT			
Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Kim Min Soo	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
TỔNG CỘNG		**-**	**-**
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác			
Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	861.000.000	750.000.000
Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	471.131.000	354.435.900
Nguyễn Thị Khánh Trang	Kế toán trưởng	276.483.000	272.643.000
Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	-
TỔNG CỘNG		**1.608.614.000**	**1.377.078.900**

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	6.732.567.271	7.577.156.627
Công ty Cổ phần 1Label	4.284.720.961	306.508.486
Công ty TNHH 1Production	3.354.435.322	2.224.200.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	2.675.000.000	3.675.000.000
Công ty TNHH Big Cat	1.541.262.055	820.798.565
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	1.375.786.575	1.029.286.575
Công ty TNHH 1Talents	581.680.000	470.800.000
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	307.670.000	245.300.000
Công ty TNHH 1Brandlink	291.060.000	-
Công ty Cổ phần 1Game	20.790.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	55.450	1.354.055.450
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	1.647.731.367
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	-	523.907.130
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam		379.600.000
TỔNG CỘNG	**21.165.027.634**	**20.254.344.200**
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)		
Công ty TNHH BigCat	1.690.084.902	1.311.210.702
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	3.624.982.867
	1.690.084.902	**4.936.193.569**
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH Yeah1 Up	15.494.000.000	14.950.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	9.290.000.000	5.205.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	1.000.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	**25.784.000.000**	**22.155.000.000**
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 7(b))		
Công ty TNHH 1Production	5.525.000.000	525.000.000
TỔNG CỘNG	**5.525.000.000**	**525.000.000**

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty TNHH 1Production	34.177.144.758	38.647.772.581
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	14.097.011.230	20.991.338.967
Bà Lê Phương Thảo	318.942.030	343.969.957
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	238.247.876	37.682.054
Công ty TNHH Yeah1 Up	131.823.241	104.088.899
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	77.254.677	96.152.335
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	54.082.191	11.506.849
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	215.753	215.753
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	12.088.331
Ông Chế Đoàn Viên	-	6.522.276
TỔNG CỘNG	**49.094.721.756**	**74.251.338.002**
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty TNHH 1Production	81.810.040.000	94.912.380.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	12.581.405.279	14.441.405.279
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	3.113.176.774	-
Công ty TNHH 1Talents	692.400.000	692.400.000
Công ty Cổ phần 1Label	260.853.180	217.779.797
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	86.400.000	86.400.000
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh	-	3.463.232.581
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	441.672.859
TỔNG CỘNG	**98.544.275.233**	**114.255.270.516**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	-	2.410.210.093
TỔNG CỘNG	**-**	**2.410.210.093**
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty TNHH Vietnam Music Award	14.452.602	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	747.945	747.945
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	2.537.260
TỔNG CỘNG	**15.200.547**	**3.285.205**

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.03.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)		
Công ty TNHH 1Production	48.744.138.698	43.406.437.274
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	1.463.248.347	752.283.280
Công ty Cổ phần 1Label	316.310.959	302.502.740
Công ty TNHH TingTing Network	67.063.361	59.296.238
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	35.424.657	14.087.671
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	27.766.317	8.515.358
Công ty TNHH 1Talents	27.098.628	27.098.628
Công ty TNHH 1Brandlink	12.945.206	863.014
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	7.899.792	7.899.792
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	6.529.749	6.529.749
Công ty TNHH Vietnam Music Award	-	151.165.477
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	-	1.553.425
TỔNG CỘNG	**50.708.425.714**	**44.738.232.646**
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	33.885.000.000	18.285.000.000
Công ty TNHH 1Brandlink	2.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	1.100.000.000	1.350.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	1.040.000.000	2.040.000.000
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	1.000.000.000	-
Công ty TNHH TingTing Network	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	735.000.000
TỔNG CỘNG	**39.325.000.000**	**22.710.000.000**
Vay dài hạn (Thuyết minh 18(b))		
Công ty Cổ phần 1Label	1.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	**1.500.000.000**	**-**

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 28 tháng 04 năm 2025.

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc